

QUAN NIỆM CỦA M.HEIDEGGER VỀ BẢN CHẤT CHÂN LÝ

CHU VĂN TUẤN(*)

Để làm rõ quan niệm của M.Heidegger về bản chất chân lý, trong bài viết này, tác giả đã đưa ra và phân tích quan điểm của ông về chân lý, quá trình hình thành và phát triển quan niệm của ông về chân lý từ “tồn tại và thời gian” đến “về bản chất của chân lý”. Đặc biệt, tác giả đã làm rõ sự khác biệt căn bản trong quan niệm của M.Heidegger và quan niệm truyền thống về tồn tại luận (bản thể luận hay tính luận), nhận thức luận và mối quan hệ giữa chân lý, Dasein (tồn tại người, hiện tính thể) và tự do.

Trong lịch sử triết học, khái niệm *Chân lý* là khái niệm có vị trí và ý nghĩa hết sức quan trọng. Vì thế, hầu hết các nhà triết học cũng như các trường phái triết học đều quan tâm nghiên cứu vấn đề này. Những vấn đề, như chân lý là gì, tiêu chuẩn của chân lý, bản chất của chân lý, làm thế nào để nắm bắt được chân lý, v.v. luôn được các nhà triết học, các trường phái triết học đặt ra và tìm lời giải đáp. Từ góc độ, lập trường của các nhà triết học, những vấn đề trên lại được lý giải theo những cách khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Cũng do vậy, vấn đề chân lý luôn được bổ sung và phát triển không ngừng; song, cho đến nay, việc xem xét và lý giải vấn đề này vẫn còn nhiều vấn đề chưa đi đến thống nhất, vẫn còn nhiều tranh luận và việc đi sâu nghiên cứu những vấn đề đó vẫn luôn có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển lý luận nhận thức.

Sau Kant và Heghen, *Martin Heidegger* (1889 – 1976) nổi lên như một nhà triết học lớn của thế kỷ XX, đặc biệt là sau khi *Tồn tại và thời gian* (1927) xuất hiện, ảnh hưởng của M.Heidegger ngày càng mạnh mẽ. Thông qua *Tồn tại và thời gian*, M.Heidegger đã xem xét, phản tỉnh và phê phán hàng loạt vấn đề căn bản của triết

học, trong đó nổi bật nhất là vấn đề siêu hình học, hay vấn đề Tồn tại - vấn đề cốt lõi của triết học. Siêu hình học truyền thống vốn được xây dựng từ thời Arixtốt và được củng cố vững chắc qua hàng nghìn năm dường như đã bị lung lay dữ dội, mà một trong những lý do căn bản nhất theo M.Heidegger, là do siêu hình học truyền thống chỉ chú ý đến “Tồn tại vật”, mà lãng quên chính bản thân Tồn tại, trong khi Tồn tại là cái không thể được đồng nhất với Tồn tại vật (tồn tại của các sự vật, hiện tượng – C.V.T.). Với quan điểm này, M.Heidegger cho rằng, do siêu hình học truyền thống mắc sai lầm như vậy, nên hàng loạt vấn đề cơ bản khác của triết học, như nhận thức, quan hệ chủ thể - khách thể, chân lý, v.v. cũng cần phải được xem xét lại.

Khái niệm *Chân lý*, như chúng ta đã biết, thường được định nghĩa một cách chung nhất là *những tri thức phù hợp với hiện thực khách quan*. Đây là cách định nghĩa phổ biến nhất trong triết học truyền thống (triết học trước M.Heidegger – C.V.T). Cực lực phản đối cách định nghĩa này, M.Heidegger cho rằng, chân lý không thể được xây dựng trên cơ sở của sự “phù

(*) Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

hợp”, “*phù hợp*” không thể trở thành bản chất của chân lý. Thậm chí, ông còn cho rằng, việc xem chân lý như là sự “*phù hợp*” vừa hết sức chung chung, vừa trống rỗng(1).

Vậy theo quan điểm của M.Heidegger thì chân lý và bản chất của chân lý là gì và quan điểm này khác gì so với quan điểm của triết học truyền thống - đó chính là những vấn đề mà bài viết này muốn làm sáng tỏ. Để làm sáng tỏ những vấn đề này, trước hết, chúng ta cần phải đi qua một số quan điểm về chân lý và bản chất của chân lý trong lịch sử triết học.

Trong lịch sử triết học đã có nhiều quan điểm khác nhau về chân lý, nhưng tựu chung lại, có ba loại quan điểm chủ yếu sau:

Thứ nhất, quan điểm *phù hợp luận* (theory of correspondence), mà theo đó, chân lý là sự phù hợp giữa *phán đoán* và *đối tượng*, giữa tri thức và đối tượng của tri thức đó, giữa phản ánh và đối tượng của phản ánh, v.v.. Rằng, “*phù hợp*” vừa là nội dung, vừa là bản chất, đồng thời cũng là tiêu chuẩn của chân lý, một khi phán đoán không phù hợp với đối tượng được phán đoán, tri thức không phù hợp với đối tượng thì không thể là chân lý. Đại diện cho loại quan điểm này phải kể đến Plato, Aristot, các nhà thần học thời Trung cổ, như Augustines, T.Aquinas, Descartes, Kant, v.v.. Khi cường điệu hoá phù hợp luận theo hướng thần học, các nhà triết học Trung cổ cho rằng, Thượng đế là tiêu chuẩn tự thân, chỉ những nhận thức, quan niệm phù hợp với Thượng đế thì mới có thể trở thành chân lý.

Thứ hai, quan điểm *nhất quán luận*, hay *nhất trí luận* (coherence theory) mà theo đó, chân lý phải được thiết lập trên cơ sở của sự nhất quán, hay nhất trí giữa các mệnh đề trong cùng một tổ hợp các mệnh

đề, hay một mệnh đề, một phán đoán chỉ là chân lý khi nhất quán với các mệnh đề có liên quan. Với quan niệm này, nhất quán luận đã phủ nhận vai trò của kinh nghiệm cảm tính, khẳng định kinh nghiệm cảm tính không thể đưa đến chân lý, mà nhấn mạnh logic toán, logic của suy luận và vai trò của suy luận diễn dịch, v.v.. Với nhất quán luận, chân lý không thể chứa đựng mâu thuẫn. Đại diện cho loại quan điểm này phải kể đến Spinoza, Leibniz, Heghen, v.v..

Thứ ba, quan điểm *thực dụng chủ nghĩa* (pragmatism) mà theo đó, tiêu chuẩn của chân lý nằm ở tính thực dụng của nó. Rằng, hiệu quả thực tế chính là tiêu chuẩn của chân lý. William James (1842 – 1910) cho rằng, “chỉ cần chúng ta tin tưởng một quan điểm, một quan niệm nào đó là có ích đối với cuộc sống của chúng ta thì quan điểm đó chính là chân lý”(2).

Trên đây là ba loại quan điểm tiêu biểu trong triết học truyền thống về chân lý, mỗi một loại quan điểm lại đứng từ một góc độ khác nhau để định nghĩa chân lý và xác định bản chất của chân lý. Điểm chung của ba loại quan điểm này là chân lý và bản chất của chân lý được xem xét trên lập trường *nhận thức luận*, nghĩa là chân lý được xem xét trên góc độ mối quan hệ giữa phán đoán và đối tượng, giữa “*tri*” và “*vật*”, giữa phản ánh và đối tượng của phản ánh, giữa nhận thức và hiện thực, giữa chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức, v.v.. Khẳng định cả ba loại quan điểm này đều *không đáng tin cậy*, bởi chân lý không thể được xây dựng từ góc độ nhận thức luận, M.Heidegger cho rằng, chân lý không thể

(1) Martin Heidegger. *Tồn tại và thời gian* (Vương Khánh Tiết, Trần Gia Anh dịch). Nxb Quế Quan, Đà Bắc, 2002, tr. 289 (tiếng Trung).

(2) William James. *Chủ nghĩa thực dụng*. Thương vụ ấn thư quán, 1979, tr. 41 (tiếng Trung).

được xây dựng trên cơ sở của sự phù hợp, mà phải đặt trên cơ sở *tồn tại luận*. Với quan niệm này, khi phủ nhận toàn bộ nền tảng của triết học truyền thống về chân lý, ông khẳng định: chân lý cần phải được xây dựng trên một nền tảng mới - nền tảng *tồn tại luận*.

Vấn đề chân lý được M.Heidegger luận bàn trong nhiều tác phẩm khác nhau, từ *Tồn tại và thời gian (Sein und Zeit; Being and Time)* đến *Thơ, ngôn ngữ, tư tưởng (Poetry, Language, Thought)* và *Nguồn gốc của tác phẩm nghệ thuật (The Origin of the work of Art)*, v.v.. Nhưng tập trung nhất là *Về bản chất của chân lý (Vom Wensen der Wahrheit, On the Essence of Truth, 1943)*. Có thể coi đây là tác phẩm quan trọng nhất của ông về chân lý, bởi những tư tưởng cơ bản nhất của ông về chân lý đều được trình bày ở đây. Mặt khác, tác phẩm này còn đánh dấu sự chuyển biến trong quan điểm của ông về chân lý so với những quan điểm đã được trình bày trong *Tồn tại và thời gian*.

Trong *Về bản chất của chân lý*, ngay từ những trang đầu, M.Heidegger đã nhấn mạnh rằng, bản chất của chân lý không phải nằm ở chỗ các sự vật, hiện tượng hay các phán đoán, v.v., trên thực tế, là chân thực hay không chân thực. Rằng, bản chất của chân lý không thể được lý giải theo cách hiểu thông thường. Rằng, việc truy tìm vấn đề bản chất của chân lý là nhằm trả lời cho câu hỏi: sự tồn tại của chúng ta được xây dựng trên cơ sở nào, sự tồn tại hiện nay của chúng ta như thế nào và chúng ta cần phải đi tìm yếu tố nào giúp chúng ta thiết lập được vị trí, sự tồn tại của mình trong lịch sử(3).

Với việc xác định mục đích đi tìm bản chất của chân lý như vậy, có thể nói, chân lý và bản chất của chân lý, theo quan điểm

của M.Heidegger, luôn gắn liền với con người và sự tồn tại của con người, gắn với ý nghĩa tồn tại của con người và chân lý là cái mang tính lịch sử. Có thể thấy rõ hơn điều này trong *Tồn tại và thời gian*, khi M.Heidegger cho rằng, bản chất của chân lý là “*trạng thái triển khai*” của Dasein(4), hay chính là trạng thái “*không che đậy*” (unverborgenheit, unconcealment) của Tồn tại vật. Theo M.Heidegger, chân lý là sự “bộc lộ”, sự “khai mở” hay sự hiển hiện của Tồn tại (Sein, Being). Tồn tại này không thể tự nó bộc lộ bản thân, mà phải thông qua Dasein như là cầu nối, là trung gian giúp nó hiển hiện ra bên ngoài. Còn bản chất của chân lý, theo ông, là *sự triển khai* của Dasein nhằm bộc lộ, hiển hiện Tồn tại. Nói cách khác, với ông, bản chất của chân lý gắn liền với trạng thái khai mở, không còn bị che đậy, không còn ẩn giấu của Tồn tại và chừng nào Tồn tại vẫn còn bị che kín, chưa được bộc lộ ra thì khi đó, chưa thể có chân lý.

Đến *Về bản chất của chân lý* thì quan điểm của M.Heidegger về bản chất của chân lý đã có sự chuyển biến một cách căn bản, theo đó, bản chất của chân lý không phải là “*trạng thái triển khai*”, “*trạng thái khai mở*” của Dasein, mà “*bản chất của chân lý là tự do*”(5). Tự do, theo cách hiểu thông thường, là thuộc tính của con người, theo nghĩa là tư tưởng và hành vi không bị

(3) Martin Heidegger. *Biển chỉ đường* (Tôn Chu Hưng dịch). Nxb Văn hoá thời báo, Đài Bắc, 1997, tr. 177 (tiếng Trung).

(4) Dasein có nghĩa là Tồn tại ở chỗ này. Trong tiếng Đức, “Da” có nghĩa là ở đây, ở chỗ này, “Sein” nghĩa là tồn tại. Trong triết học của Heidegger, Dasein được dùng để chỉ con người và tồn tại của con người. Trong bài này, chúng tôi dùng nguyên từ Dasein mà không dịch ra tiếng Việt.

(5) Martin Heidegger. *Basic Writings*. Edition by David Farrell Krell, Routledge Press, London, 1996, p. 128.

trói buộc hay hạn chế. Còn theo cách hiểu của M.Heidegger, tự do hoàn toàn không phải là sự tùy ý lựa chọn cái này hay cái kia của lý trí, cũng không đồng nghĩa với trạng thái hoàn toàn không có sự chi phối đối với tính hiện thực và không hiện thực của hành vi(6).

Như vậy, có thể nói, khi phủ nhận những quan niệm trước đó về tự do, M.Heidegger đã đưa ra một quan điểm hoàn toàn khác với quan niệm của triết học truyền thống về tự do. Nếu trong quan niệm của triết học truyền thống, tự do là một thuộc tính của con người, bị con người chi phối, thì đối với Heidegger, *tự do chi phối con người*. Sự khác biệt giữa ông và triết học truyền thống còn thể hiện ở chỗ, triết học truyền thống nói đến tự do như một thuộc tính của con người, như một “sản vật” mà con người có thể khống chế, chi phối; còn M.Heidegger thì bàn đến tự do với tư cách *bản thân tự do*. Trong *Về bản chất của chân lý*, M.Heidegger viết: “Tự do chính là làm cho Tồn tại vật bộc lộ ra, bản thân tự do chính là sự triển khai, sự bộc lộ; tự do tham gia vào quá trình phá bỏ sự che đậy của Tồn tại vật”(7). Ngoài ra, trong *Về bản chất của căn cứ (Vom Wensen des Grundes, The Essence of Reasons)*, M.Heidegger còn cho rằng, tự do chính là sự siêu vượt.

Như vậy, có thể nói, tự do trong quan niệm của M.Heidegger là một loại tự do tuyệt đối, bởi nó không chịu sự chi phối của bất kỳ yếu tố nào và luôn ở trong quá trình triển khai. Ở đây, tự do có thể xem như là một loại *tự do bản thể*. Tự do gắn liền với Tồn tại và chân lý, bởi nó giúp cho Tồn tại bộc lộ ra và tham dự vào quá trình phá vỡ sự che đậy của Tồn tại. Để làm được điều đó, bản thân tự do cũng phải là sự khai mở,

sự bộc lộ, sự hiển hiện. Nói cách khác, tự do đóng vai trò như là cơ sở của tính khả năng nội tại của hoạt động mang tính triển khai, bộc lộ. Với tư cách đó, tự do trở thành đặc trưng, bản chất của chân lý. Tự do, Tồn tại và chân lý gắn chặt với nhau, hoà quyện vào nhau. Không thể có chân lý, nếu không có tự do và Tồn tại cũng không thể bộc lộ ra, nếu không có sự tham dự của tự do. Chân lý và tự do tuy là hai, nhưng lại là một.

Điều đó cho thấy, theo M.Heidegger, *chân lý chính là sự bộc lộ, sự hiển hiện, sự khai phóng của Tồn tại*. Chừng nào Tồn tại vẫn còn bị “ẩn giấu”, vẫn còn bị “che đậy” và chưa được “khai phóng” thì khi đó, chưa thể có chân lý. Chân lý theo nghĩa đó chính là “không che đậy” (tiếng Hy Lạp: *aletheia*), là “khai phóng”. Chừng nào Tồn tại còn đang bị “che đậy”, còn đang bị “đóng kín”, v.v., thì khi đó, vẫn là *phi chân lý*, hay là *phi bản chất của chân lý*. Theo M.Heidegger, biểu hiện của phi chân lý rất phong phú, chẳng hạn: che đậy, sai lầm, giả dối, đánh lừa, giả tượng, v.v.(8). Vậy, vấn đề đặt ra ở đây là: phi chân lý hay phi bản chất của chân lý có mối quan hệ như thế nào đối với chân lý và bản chất của chân lý? Phải chăng, giữa chúng chỉ đơn thuần là sự đối lập? Trong *Đường trong rừng*(9), M.Heidegger cho rằng, nếu như chân lý chỉ thuần túy là một quá trình bộc lộ, khai mở và là một quá trình hoàn toàn không có sự che giấu thì như vậy, chân lý không còn là bản thân chân lý nữa. Rằng, về bản chất, chân lý cũng chính là phi chân

(6) Martin Heidegger. *Biển chỉ đường. Sdd.*, tr. 186-187.

(7) M.Heidegger. *Biển chỉ đường. Sdd.*, tr.186-187.

(8) Martin Heidegger. *Biển chỉ đường. Sdd.*, tr. 185.

(9) Tiếng Đức là *Holzwege*, Tôn Chu Hưng dịch là *Đường trong rừng* (C.V.T).

lý(10). Trong *Về bản chất của chân lý*, M.Heidegger cũng cho rằng, tuy phi chân lý là phi bản chất của chân lý, nhưng về bản chất thì chân lý và phi chân lý không phải không có mối quan hệ với nhau mà ngược lại, chúng cùng thuộc về một thể: phi chân lý tất yếu có nguồn gốc từ bản chất của chân lý(11). Tuy nhiên, cần phải hiểu rằng, theo quan niệm của M.Heidegger, nói như vậy không có nghĩa là chân lý, về căn bản, đồng nghĩa với sai lầm. Vậy ở đây, cần phải lý giải quan niệm của M.Heidegger như thế nào, khi ông cho rằng, chân lý cũng chính là phi chân lý, bản chất của chân lý cũng chính là phi bản chất của chân lý. Phải chăng, quan niệm này của ông chứa đựng mâu thuẫn?

Nếu đứng trên góc độ lôgic mà xem xét thì quan niệm của M.Heidegger rõ ràng có mâu thuẫn với nhau. Tuy nhiên, nếu đứng trên góc độ tồn tại của bản thân sự vật mà xem xét thì bất cứ sự vật, hiện tượng nào cũng chứa đựng hai mặt đối lập, hai mặt này vừa thống nhất, vừa đấu tranh với nhau và quá trình thống nhất, đấu tranh này diễn ra liên tục, không thể có quá trình thống nhất hoặc quá trình đấu tranh một cách thuần túy, độc lập mà không có quá trình kia. Theo M.Heidegger, nếu như chân lý là *sự bộc lộ của Tồn tại*, còn phi chân lý là *sự che đậy của Tồn tại*, thì rõ ràng đó phải là hai mặt của cùng một sự vật. Bởi lẽ, sự vật không thể chỉ có quá trình khai mở, hiển hiện, khai phóng, v.v., mà còn có quá trình che đậy, ẩn giấu; hai quá trình này vừa đấu tranh với nhau, vừa thống nhất với nhau. Che đậy, ẩn giấu như là tiền đề, điều kiện cho sự khai mở, bộc lộ; ngược lại, sự khai mở như là cội nguồn của sự che đậy, ẩn nấp. Từ đó, ông đi đến kết luận: bản chất của chân lý hay cội nguồn bản

chất của chân lý đều bắt nguồn từ sự “đấu tranh” đầu tiên này(12).

Như vậy, có thể nói, quan niệm của M.Heidegger về bản chất của chân lý đã chứa đựng tính biện chứng sâu sắc. Điều này được thể hiện ở chỗ, chân lý và bản chất của chân lý gắn liền với sự “đấu tranh” của *sự che đậy* và *sự khai mở*; sự đấu tranh giữa hai yếu tố này nhằm hướng đến trạng thái *khai phóng* của Tồn tại. Với M.Heidegger, trạng thái *khai phóng* của Tồn tại, hay *chân lý*, không phải là tuyệt đối, mà luôn ẩn chứa trong nó *sự che đậy*. Theo nghĩa này, *chân lý không phải là tuyệt đối*, nhưng *bản chất của chân lý* - tự do hay sự đấu tranh giữa *che đậy* và *bộc lộ* - thì lại là *tuyệt đối*. Với cách lý giải như vậy, quan niệm của M.Heidegger về chân lý và bản chất của chân lý có ý nghĩa quan trọng trong việc lý giải cơ sở và ý nghĩa của tồn tại người, như mục tiêu mà ông đặt ra khi truy tìm chân lý và bản chất của chân lý.

Việc M.Heidegger phê phán quan niệm chân lý của triết học truyền thống có ý nghĩa quan trọng đối với việc thúc đẩy sự phát triển lý luận. Song, quan niệm của ông về chân lý và bản chất của chân lý có khác phục được những hạn chế của quan niệm truyền thống hay không, điều đó còn cần phải đi sâu nghiên cứu. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ mới đưa ra một số nét khái quát về quan niệm chân lý của M.Heidegger mà chưa có điều kiện đi sâu vào những nội dung cụ thể. □

(10) Martin Heidegger. *Đường trong rừng* (Tôn Chu Hưng dịch). Nxb Dịch văn, Thượng Hải, 2004, tr. 41 (tiếng Trung); hoặc xem: Martin Heidegger. *Poetry, Language, Thought*. Trans, Albert Hofstadter, New York: Harper & Row, 1971, p. 54-55.

(11) Martin Heidegger. *Biển chỉ đường*. Sđd., tr. 189.

(12) Martin Heidegger. *Đường trong rừng*. Sđd., tr.41.